

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

NGUYỄN VIỆT LÂM

**VIỆT NAM TRONG VAI TRÒ
ỦY VIÊN KHÔNG THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
BẢO AN LIÊN HỢP QUỐC GIAI ĐOẠN 2008-2009**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số : 9 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS Nguyễn Vũ Tùng

2. PGS. TS Đặng Đình Quý

Phản biện 1: **PGS. TS Dương Văn Quảng**

Học viện Ngoại giao.

Phản biện 2: **GS. TS Trần Thị Vinh**

Đại học Sư phạm Hà Nội.

Phản biện 3: **PGS. TS Bùi Thành Nam**

Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội.

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Ngoại giao
vào hồi 08 giờ 00 ngày 16 tháng 10 năm 2018

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là cơ quan chính trị quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc, được giao trách nhiệm hàng đầu trong việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, qua đó có vai trò và ảnh hưởng lớn trong các vấn đề quan trọng nhất của đời sống chính trị thế giới. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐBA được quy định tại các điều VI, VII, VIII và XII của Hiến chương Liên hợp quốc. Với vai trò và ảnh hưởng quan trọng của HĐBA LHQ trong các vấn đề hệ trọng của thế giới có liên quan đến hòa bình và an ninh quốc tế như đã nêu, đa số các nước đều nhận thức rằng việc được bầu làm uỷ viên không thường trực HĐBA là cơ hội tốt để theo đuổi lợi ích và nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia ở cả khía cạnh đa phương và song phương. Việc tham gia ứng cử và trở thành Uỷ viên không thường trực HĐBA, là một mục tiêu quan trọng của ngoại giao đa phương mà các thành viên LHQ hướng tới.

Từ năm 1997, Việt Nam đã có chủ trương ứng cử Uỷ viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (HĐBA LHQ) nhiệm kỳ 2008-2009. Sáng ngày 16 tháng 10 năm 2007 (giờ New York), với 183/190 phiếu ủng hộ, Đại hội đồng LHQ Khoá 62 đã bầu Việt Nam làm Uỷ viên Không thường trực HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009. Từ năm 2012, Việt Nam công khai Kế hoạch ứng cử vận động vị trí UVKTT HĐBA nhiệm kỳ 2020-2021. Hiện nay đã là giai đoạn nước rút trong quá trình vận động và chuẩn bị ứng cử cũng như đảm nhiệm nếu ứng cử thành công. Chính vì vậy, việc có một nghiên cứu toàn diện về quá trình ứng cử và đảm nhiệm vai trò là UVKTT HĐBA nhiệm kỳ 2008-2009 của Việt Nam là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay, trên cả hai phương diện khoa học và thực tiễn. Trên thực tế, hiện nay chưa có một nghiên cứu nào ở cả thế giới và Việt Nam đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống về

quá trình Việt Nam vận động ứng cử và đảm nhiệm vị trí UVKTT HĐBA nhiệm kỳ 2008-2009.

Nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ những nguyên nhân đưa tới thành công của Việt Nam trong quá trình vận động ứng cử và đảm nhiệm vai trò UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009. Đồng thời, nghiên cứu cũng phân tích những khó khăn và hạn chế trong quá trình đó nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho quá trình chuẩn bị ứng cử nhiệm kỳ thứ hai của Việt Nam 2010-2021. Nghiên cứu cũng góp phần trả lời cho câu hỏi then chốt nhất phục vụ việc ứng cử trong nhiệm kỳ tới, đó là: *Việt Nam cần phải chuẩn bị gì cho quá trình vận động tái cử và đảm nhiệm thành công vai trò UVKTT HĐBA LHQ trong nhiệm kỳ hai nếu trúng cử?*

Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa từ góc độ học thuật như là cung cấp và bổ sung nguồn tài liệu, phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại, mà nó còn hữu ích cho quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam nói chung và đối ngoại đa phương nói riêng. Nghiên cứu này vừa có giá trị lý luận đóng góp vào các mạch lý luận hiện có về việc theo đuổi lợi ích quốc gia dân tộc và xây dựng bản sắc quốc gia thông qua công cụ đa phương qua trường hợp cụ thể của Việt Nam; vừa có giá trị thực tiễn phục vụ trực tiếp công tác hoạch định và triển khai thực hiện kế hoạch vận động và ứng cử nhiệm kỳ UVKTT HĐBA 2020-2021 nói riêng, chiến lược hội nhập quốc tế và chiến lược đối ngoại của Đại hội XII nói chung.

Luận án này sẽ tận dụng lợi thế của “người trong cuộc” để thực hiện mục tiêu này. Đó là (i) nghiên cứu sinh đang công tác tại Bộ Ngoại giao, có thể tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến giai đoạn Việt Nam vận động và thực hiện vai trò UVKTT HĐBA nhiệm kỳ 2008-2009, (ii) nghiên cứu sinh đã có một nhiệm kỳ công tác tại Phái đoàn đại diện Thường trực của Việt Nam tại Liên hợp quốc (2012-

2015), New York, Hoa Kỳ, có điều kiện trực tiếp quan sát, tham gia hoạt động của Việt Nam tại Liên hợp quốc, chứng kiến và trải nghiệm sự vận hành của Liên hợp quốc, và có điều kiện trao đổi với các đồng chí, đồng nghiệp đã trực tiếp làm ở Vụ Tổ chức quốc tế, Bộ Ngoại giao, hoặc tại Liên hợp quốc trong khoảng thời gian đó, nhờ đó có điều kiện nắm bắt và đánh giá được cả những vấn đề chung và các vấn đề chi tiết, cụ thể liên quan đến nhiệm kỳ UVKTT HĐBA của Việt Nam.

Với những lí do trên, chúng tôi đã lựa chọn đề tài: “Việt Nam trong vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc giai đoạn 2008-2009” cho luận án tiến sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu vấn đề

2.1 Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Đi sâu vào các công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp tới vấn đề nghiên cứu của luận án, có thể thấy có các công trình nghiên cứu, đánh giá kinh nghiệm làm UVKTT HĐBA (E10)¹ của các nước trong và ngoài khu vực có vị thế, đặc điểm tương đối giống Việt Nam như Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po và một số nước khác như Ấn Độ, Úc và Niu Di-lân..., trong đó có một số nước đã có nhiều lần đảm nhiệm vai trò UVKTT HĐBA. Có thể nêu một số công trình tiêu biểu sau:

Trong cuốn “*The Little Red Dot: Reflections by Singapore’s Diplomats*” [7] và cuốn “*50 years of Singapore and the United Nations*” [8], Giáo sư Kishore Mahbubani đã đánh giá nhiệm kỳ UVKTT HĐBA của Singapore giai đoạn 2001-2002 là thành công. Một số công trình nghiên cứu đề cập tới quá trình vận động, đấu tranh chính trị trong HĐBA và quan hệ giữa các nước P5 và E10 trong HĐBA. Tác phẩm “*Perilous Interventions: The Security Council*

¹E10 tên tiếng Anh là Non-permanent members of UNSC: Tên gọi tắt của 10 nước UVKTT HĐBA LHQ.

and the Politics of Chaos” của Hardeep Singh Pur, Đại sứ, Trưởng Phái đoàn Ấn Độ, Liên hợp quốc đã tiết lộ những thông tin đáng chú ý về việc gây ảnh hưởng và đấu tranh chính trị giữa các nước thành viên HĐBA trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết về sử dụng vũ lực tại một số nước trên thế giới như Li-bi, Xi-ri... Cuốn sách “*Five to Rule Them All: The UN Security Council and the Making of the Modern World*” [10] của tác giả David L. Bosco, là công trình nghiên cứu công phu, đúc rút qua vài chục cuộc phỏng vấn các cựu Đại sứ, Trưởng Phái đoàn các nước làm UVKTT HĐBA qua các thời kỳ.

Có thể thấy các công trình nghiên cứu ngoài nước về HĐBA tương đối phong phú, đa dạng, có nhiều thông tin, nghiên cứu, thực tiễn của nhiều trường hợp khác nhau từ các nước lớn, nước tầm trung và nước nhỏ tham gia và các vấn đề liên quan đến HĐBA. Theo đó, các nhà nghiên cứu thường sử dụng khung phân tích phù hợp với từng nhóm nước (nước lớn, nước nhỏ/nước tầm trung) tham gia vào HĐBA. Chính trị cường quyền thường được thấy trong cách hành xử, chính sách đối ngoại của các nước lớn. “Hành xử phù hợp, linh hoạt” để hài hoà quan hệ với các nước P5 và tối đa hoá lợi ích quốc gia là cách tiếp cận thường được áp dụng khi phân tích về việc tham gia vị trí UVKTT HĐBA của các nước nhỏ/tầm trung. Những nghiên cứu trên là một nguồn tham khảo, đối chiếu hữu dụng trong quá trình thực hiện Luận án này.

2.2 Tình hình nghiên cứu trong nước:

Một thực tế là từ trước tới nay, ở Việt Nam không có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, sách chuyên khảo đề cập trực tiếp tới vấn đề nghiên cứu của luận án. Các công trình nghiên cứu ở có liên quan tới đề tài tập trung vào một số nhóm vấn đề nổi bật như: (i) hoạt động gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc; (ii) vai trò của HĐBA trong việc giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế; (iii) cải tổ HĐBA; (iv) các nhóm vấn đề chính được thảo luận tại HĐBA như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên; trẻ em và phụ nữ trong xung đột vũ

trang... Có thể nêu ra đây một số công trình tiêu biểu có liên quan tới vấn đề nghiên cứu của đề tài:

Cuốn sách “*Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại*” do tác giả Lưu Thuý Hồng chủ biên đề cập tới các khái niệm, đánh giá về hệ thống đa phương đương đại và đưa ra một số đánh giá khái quát chung về UVKTT HĐBA. Công trình nghiên cứu của về “*Đối ngoại đa phương Việt Nam trong thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*” do Tiến sĩ Lê Hoài Trung chủ biên đã có những nghiên cứu sâu về chủ nghĩa đa phương, quá trình hình thành tư duy đối ngoại đa phương của Việt Nam... đề ra định hướng chính sách Đối ngoại đa phương Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế thời gian tới. Cuốn sách của tác giả Nguyễn Hồng Thao “*Việt Nam và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc*” đưa ra bức tranh chung, cập nhật các vấn đề của HĐBA LHQ. Đáng chú ý cuốn sách này được xuất bản trong giai đoạn Việt Nam bắt đầu đảm nhiệm vị trí UVKTT HĐBA. Công trình *Liên hợp quốc và lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc* của tác giả Nguyễn Hồng Quân và Nguyễn Quốc Hùng đã giới thiệu về nhiệm vụ, vai trò hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc .

Luận án Tiến sĩ của tác giả Phạm Lan Dung về “*Địa vị pháp lý, thực tiễn hoạt động và vấn đề nâng cao vai trò của UVKTT HĐBA*” đã đề cập phần nào thành quả nhiệm kỳ UVKTT lần một (2008-2009) của Việt Nam. Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu khác đề cập tới các vấn đề chung của Liên Hợp quốc như: cuốn sách “*Cơ cấu tổ chức của Liên hợp quốc*” (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2000) của tác giả Trần Thanh Hải chủ biên và cuốn “*Hệ thống Liên hợp quốc*” (Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2004) tác giả Võ Anh Tuấn chủ biên đã cung cấp một số nghiên cứu tổng quan về cơ cấu tổ chức, của LHQ. Cuốn “*Các tổ chức quốc tế và Việt Nam*” do Bộ Ngoại giao xuất bản (2005) giới thiệu khái quát về vai trò, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Không Liên kết, Cộng

đồng các nước sử dụng tiếng Pháp...và quan hệ của Việt Nam với các tổ chức này trong giai đoạn 1980-2005.

Tóm lại, đã có những công trình nghiên cứu về LHQ, HĐBA LHQ và chính sách của Việt Nam, nhưng đa số mới chỉ dừng ở mức giới thiệu về LHQ, HĐBA và các lĩnh vực có thể hợp tác giữa Việt Nam và LHQ. Ngoài ra, không có nhiều công trình nghiên cứu, đánh giá toàn diện, chi tiết, sâu sắc về việc Việt Nam đảm nhiệm vị trí UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009, nhất là nghiên cứu, tìm hiểu quyết sách của Việt Nam trong giai đoạn này và qua trình triển khai quyết định từ vận động đến đảm nhiệm thành công vai trò sau khi được bầu vào HĐBA. Luận án “*Việt Nam trong vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc giai đoạn 2008-2009*” sẽ bổ sung vào mảng kiến thức còn chưa đầy đủ này.

2.3. Nhận xét

Trong khuôn khổ của những công trình nghiên cứu mà tác giả luận án tiếp cận được, có thể thấy:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu có liên quan tới Liên Hợp quốc chủ yếu tập trung vào đề cập tới các vấn đề chung của Liên Hợp quốc như về cơ cấu, chức năng hay nhiệm vụ cũng như các hoạt động và ảnh hưởng chung của tổ chức này. *Thứ hai*, các công trình nghiên cứu về Hội đồng Bảo an của Liên Hợp quốc lại thường tập trung nghiên cứu về vai trò và của các ủy viên thường trực HĐBA chứ không chú trọng nhiều tới các ủy viên không thường trực. *Thứ ba*, các công trình bàn về vai trò của thành viên không thường trực của HĐBA LHQ cũng thường tập trung vào các nước ủy viên là nước lớn, tầm trung. Các nước nhỏ như Việt Nam ít được quan tâm đến. *Thứ tư*, ở Việt Nam các công trình nghiên cứu về Hội đồng Bảo an và về vai trò của các Ủy viên không thường trực trong Hội đồng Bảo an không nhiều. Chủ yếu cũng chỉ có các công trình nghiên cứu về Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác nói chung mà thôi.

Xuất phát từ thực trạng nghiên cứu nêu trên, luận án có thể bổ sung vào những khoảng trống nghiên cứu ở cả trên thế giới và Việt Nam về vai trò của các nước là ủy viên không thường trực của HĐBA LHQ nói chung và về vai trò của Việt Nam nói riêng.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục tiêu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là từ góc độ Việt Nam làm rõ vai trò của Việt Nam với tư cách là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc giai đoạn 2008-2009. Từ đó đưa ra những đánh giá về thành công, hạn chế và rút ra các bài học kinh nghiệm từ quá trình Việt Nam vận động bầu cử và đảm nhiệm vai trò UVKTT HĐBA LHQ 2008-2009.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục tiêu nêu trên, luận án giải quyết một số nhiệm vụ sau: Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc Việt Nam ra quyết định ứng cử, quá trình chuẩn bị ứng cử và đảm nhiệm nhiệm vụ UVKTT HĐBA giai đoạn 2008-2009; Làm rõ lý do và cơ sở Việt Nam ra quyết định ứng cử UVKTT HĐBA giai đoạn 2008-2009; Phân tích quá trình ra quyết định ứng cử, vận động phiếu bầu; Phân tích quá trình chuẩn bị và đảm nhiệm nhiệm vụ UVKTT HĐBA giai đoạn 2008-2009; Rút ra bài học kinh nghiệm cho quá trình vận động tranh cử, chuẩn bị và đảm nhiệm vai trò HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2020-2021 (trường hợp trúng cử).

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án bao gồm: Đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước nói chung và liên quan đến sự tham gia của Việt Nam tại Liên hợp quốc nói riêng; Thực tiễn quá trình ứng cử và đảm nhiệm nhiệm vụ UVKTT HĐBA của Việt Nam; Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong quá trình chuẩn bị ứng cử và triển khai vai trò UVKTT HĐBA giai đoạn (2020-2021);

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu các hoạt động của Việt Nam bắt đầu từ quá trình hình thành ý tưởng ứng cử cho tới quá trình vận động ứng cử, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ và quá trình thực hiện nhiệm vụ với vai trò là UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009. *Về thời gian:* Luận án tập trung vào giai đoạn từ khoảng giữa thập niên 1990s (khi Việt Nam bắt đầu xem xét việc ứng cử) đến hết năm 2009 (kết thúc nhiệm kỳ).

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu chủ yếu trên cơ sở phương pháp nghiên cứu sử học kết hợp với việc áp dụng phương pháp tiếp cận lý thuyết qua các học thuyết quan hệ quốc tế như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo...Luận án được thực hiện dựa trên nghiên cứu thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt là của Ngoại giao đa phương tại LHQ trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Các yếu tố bên ngoài sẽ được xem xét khi cần. Ngoài ra, nghiên cứu sinh sẽ kết hợp một số phương pháp so sánh, phân tích-tổng hợp, dự báo và nghiên cứu điển giải, định tính (phỏng vấn chuyên sâu), nghiên cứu trường hợp (case-studies), thống kê mô tả để hỗ trợ cho các điển giải, giải thích trong quá trình nghiên cứu.

6. Nguồn tài liệu nghiên cứu:

Nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu Luận án là (i) những tài liệu, văn kiện/văn bản gốc của Đảng, Chính phủ, (ii) các báo cáo, tờ trình của Bộ Ngoại giao và Phái đoàn đại diện Thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc, được lưu tại Vụ các Tổ chức quốc tế, Vụ Đông Nam Á – Nam Thái Bình Dương, Vụ Trung Đông – Châu Phi, Bộ Ngoại giao; (iii) các bài viết và trả lời phỏng vấn của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước liên quan đến việc Việt Nam đảm nhận nhiệm kỳ HĐBA nhiệm kỳ 2008-2009; (iv) báo cáo hoạt động của HĐBA trình ĐHQĐ LHQ, Báo cáo hàng năm của TTK LHQ về công việc của tổ chức,

biên bản các cuộc họp (SPV) và báo cáo (Repeptoire) các phiên họp của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc trong năm 2008 và 2009, báo cáo của các tổ chức phi chính phủ uy tín như Security Council Report, Global Policy Forum, International Peace Academy... (v) các sách, bài viết và công trình nghiên cứu phân tích/đánh giá liên quan đến vấn đề nghiên cứu, và (vi) tư liệu, nhận định của các chuyên gia.

7. Đóng góp của Luận án

Giải quyết được các nhiệm vụ đặt ra, luận án có những đóng góp sau: *Một là*, luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam, từ góc độ quan hệ quốc tế, làm rõ về vai trò của Việt Nam với tư cách là UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009. *Hai là*, về khía cạnh khoa học, Luận án có thể góp phần lí giải rõ hơn lí do và những cơ sở của việc Việt Nam quyết định tham gia ứng cử, vận động ứng cử, chuẩn bị và đảm nhiệm thành công vai trò của mình tại LHQ. Trên cơ sở đó, Luận án phân tích làm rõ những thành công và hạn chế, cũng như các bài học kinh nghiệm cần rút ra. Luận án bổ sung vào mảng nghiên cứu còn trống ở Việt Nam về chủ nghĩa đa phương và ngoại giao đa phương của nước nhỏ và vừa. *Ba là*, về khía cạnh thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận án có thể có những đóng góp hiệu quả cho công tác hoạch định chính sách của Việt Nam mà cụ thể là góp phần chuẩn bị cho quá trình vận động và thực hiện nhiệm vụ UVKTT HĐBA của nhiệm kỳ hai, giai đoạn 2020-2021 (trường hợp trúng cử); tham mưu và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt là đối ngoại đa phương và quan hệ với LHQ.

Luận án cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo và giảng dạy cho bậc đại học, sau đại học và các cán bộ làm đối ngoại của Việt Nam đặc biệt là cán bộ đối ngoại đa phương; cung cấp thông tin và định hướng dư luận trong việc nhìn nhận, đánh giá ngoại giao đa phương của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng của mạng xã hội ngày càng gia tăng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ VÀ QUÁ TRÌNH ỨNG CỬ CỦA VIỆT NAM VÀO VI TRÍ UVKTT HĐBA LHQ NHIỆM KỲ 2008-2009

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. *Khái niệm về chủ nghĩa đa phương*

Năm 1990, Robert Keohane đã đưa ra định nghĩa đơn giản về chủ nghĩa đa phương, đó là “thực tiễn điều phối chính sách của các quốc gia trong các Nhóm gồm từ hai hoặc nhiều quốc gia trở lên”. Các mảng lý thuyết quan hệ quốc tế đưa ra một số lý giải khác nhau về chủ nghĩa đa phương.

1.1.2. *Chủ nghĩa đa phương trong các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế*

* **Chủ nghĩa hiện thực:** chủ nghĩa đa phương không chỉ liên quan chặt chẽ đến những cân nhắc về mục đích, chức năng mà còn gắn liền với mối quan hệ quyền lực giữa các nước tham gia.

* **Chủ nghĩa Tự do:** các thể chế đa phương đóng vai trò quan trọng và là phương tiện thiết yếu để tạo dựng và duy trì sự hợp tác giữa các quốc gia. Các quốc gia sẽ sẵn sàng hợp tác khi họ thấy các thể chế đa phương (với những bộ quy tắc, luật lệ và hoạt động có tác dụng xác định vai trò, hành động cũng như kỳ vọng của các bên tham gia) trở nên có lợi cho họ.

* **Chủ nghĩa kiến tạo:** chủ nghĩa đa phương không chỉ là sản phẩm do chiến lược của các nước chủ chốt tạo ra mà còn dựa trên sự nhất trí tập thể trong khuôn khổ đa phương. Thông qua sự đồng thuận tập thể đó mà các thể chế quốc tế ngày càng tạo dựng được vai trò trong hệ thống quốc tế, mang tính độc lập nhất định đối với ảnh hưởng chi phối của các nước mạnh.

* **Chủ nghĩa Mác – Lênin:** Từ góc độ chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa đa phương (sự liên hợp mang tính quốc tế) có thể được xem là

công cụ cần thiết để đối trọng lại chủ nghĩa đơn phương (đế quốc), tạo cho các nước nhỏ hơn cơ hội có tiếng nói và vai trò quyết định

1.1.3. Nhận xét

Tựu chung lại, đa phương có các ưu điểm sau: *Một là*, trong bối cảnh toàn cầu hóa, cục diện “đa trung tâm, đa tầng nấc”, xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia gia tăng và sự nổi lên của các vấn đề xuyên quốc gia vượt tầm xử lý của các quốc gia đơn lẻ. Đây là điểm mạnh của đa phương mà không một phương thức ngoại giao nào khác có thể thay thế được. *Hai là*, so với cách tiếp cận đơn phương, đa phương là công cụ hữu hiệu giúp các quốc gia tiết kiệm được các nguồn lực trong triển khai chính sách đối ngoại, tập hợp được lực lượng, tạo dựng được đồng thuận trong nước và quốc tế để vừa thực hiện các mục tiêu chung, giải quyết, xử lý được mâu thuẫn, xung đột thông qua con đường hợp tác, đối thoại vừa thực hiện các mục tiêu đối ngoại của quốc gia. *Ba là*, đa phương mang tính hỗ trợ cao cho ngoại giao song phương, giúp thúc đẩy quan hệ song phương giữa các nước.

Dù còn một số hạn chế nhưng thế mạnh và vai trò của đa phương trong chính sách đối ngoại của các quốc gia đều được công nhận rộng rãi, đặc biệt với các nước nhỏ và vừa thì việc tham gia vào các thể chế đa phương là một trong những lựa chọn chính sách đối ngoại hàng đầu.

1.1.4. Quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại đa phương

Từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong “*Lời kêu gọi Liên hợp quốc*”, Người khẳng định, “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”. Đại hội VI của Đảng đặc biệt nhấn mạnh việc “mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế..., tham gia ngày càng rộng rãi vào sự phân công lao động quốc tế... trên

nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình và bình đẳng và cùng có lợi”.² Đây là cách tiếp cận của Đảng ta về ngoại giao đa phương của thời kỳ Đổi mới. Đại hội VII (tháng 6/1991) đã nhấn mạnh chủ trương “đa phương, đa dạng hóa, hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước”...và đặc biệt nhấn mạnh việc “góp phần làm cho Liên hợp quốc phục vụ đắc lực hơn những mục tiêu của nhân loại, hợp tác với các tổ chức tài chính, tổ chức chuyên môn của Liên hợp Quốc và các tổ chức phi chính phủ, ủng hộ phong trào Không liên kết”. Đại hội VIII đã đề ra nhiệm vụ “mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển”. Tại Đại hội IX (2001), Đảng ta tuyên bố “sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế” và “*thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương. Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu*”. Đại hội X năm 2006 đưa ra chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng **hợp tác quốc tế** trong các lĩnh vực khác” và “chủ động và tích cực hợp tác với các nước trong các cuộc đàm phán đa phương về một trật tự kinh tế quốc tế mới, công bằng hơn”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước

* **Bối cảnh thế giới, khu vực:** Về mặt thực tiễn, việc Việt Nam đưa ra quyết định tham gia ứng cử vị trí UVKTT HĐBA LHQ năm 1997 xuất phát từ những mục tiêu lợi ích và yêu cầu đặt ra đối với đất nước trong bối cảnh quốc tế và trong nước nửa cuối thập niên 1990 nửa đầu thập niên 2000.

²Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1986

* **Bối cảnh Việt Nam:** bối cảnh Việt Nam quyết định ứng cử được đưa ra trong bối cảnh (i) những thành tựu kinh tế đạt được đã giúp tạo thế và lực mới cho Việt Nam trong khu vực và quốc tế, (ii) tạo thêm cả vị thế mới thông qua việc thực hiện tốt mô hình tăng trưởng được LHQ ghi nhận là mô hình phát triển văn hoá – xã hội, trở thành kiểu mẫu cho LHQ và (iii) kinh nghiệm tích lũy từ việc Việt Nam tham gia các hoạt động đa phương khác như đã phân tích ở trên. Đây là những tiền đề quan trọng tạo cơ sở cho Việt Nam khi đăng ký ứng cử vị trí UVKTT HĐBA LHQ giai đoạn 2008-2009.

1.2.2. Quá trình đi đến quyết định ứng cử UVKTT HĐBA LHQ 2008-2009.

Ngày 10 tháng 1 năm 1997, Vụ các Tổ chức quốc tế, Bộ Ngoại giao đã có tờ trình số 05-97/9 [44] báo cáo Lãnh đạo Bộ Ngoại giao *kiến nghị ứng cử vị trí UVKTT HĐBA LHQ 2008-2009*. Ngày 30 tháng 8 năm 1997 và ngày 3 tháng 9 năm 1997, Bộ Ngoại giao báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và đã được đồng ý.

1.2.3. Mục tiêu chính sách

Nâng cao uy tín quốc tế thông qua việc thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với các vấn đề hoà bình, an ninh của thế giới và việc thực hiện nghĩa vụ của một công dân quốc tế trong lĩnh vực này. Thúc đẩy lập trường quốc gia. Tham gia HĐBA LHQ đóng góp vào việc duy trì môi trường ổn định, an ninh, thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời có thể trực tiếp bảo vệ các quyền lợi liên quan trực tiếp đến Việt Nam.

1.3. Quá trình vận động ứng cử UVKTT HĐBA LHQ 2008-2009.

1.3.1 Giai đoạn 1: từ năm 1997 đến tháng 7 năm 2006:

Tháng 2 năm 1997, Việt Nam đã chính thức đăng ký ứng cử vị trí UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009. Giai đoạn này, Việt Nam đã thông qua các cuộc tham vấn chính trị với các nước, kết hợp thăm dò khả năng ủng hộ của các nước đối với việc ứng cử của Việt Nam.

1.3.2. Giai đoạn 2: từ tháng 8 năm 2006 đến tháng 10 năm 2007:

Qua nhiều tháng vận động và trên cơ sở triển khai các Kế hoạch vận động nước rút ủng hộ, ngày 16 tháng 10 năm 2007 với kết quả 183/192 phiếu thuận, Việt Nam đã ứng cử thành công vị trí UVKTT LHQ nhiệm kỳ 2008-2009.

Tiểu kết

Đăng ký tham gia HĐBA LHQ sớm từ năm 1997, sau hơn 10 năm chuẩn bị công phu và vận động bài bản, quyết liệt đã được bầu làm UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2008-2009 với kết quả cao. Đáng chú ý, tại thời điểm chỉ hơn một tháng trước ngày bầu cử 16 tháng 10 năm 2009, Việt Nam mới có 122/193 nước cam kết ủng hộ, nhưng với quyết tâm cao cùng với việc triển khai tốt Kế hoạch vận động nước rút đã được chuẩn bị trước, Việt Nam đã giành được 61 phiếu, đạt được kết quả ngoài mong đợi. Kết quả phiếu bầu cao như vậy cũng cho thấy sự tin tưởng rất cao, gần như tuyệt đối, của các thành viên LHQ nói riêng và cộng đồng quốc tế nói chung đối với uy tín và năng lực của Việt Nam. Đó là thành quả của 20 năm Đổi mới dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước và 10 năm chuẩn bị kỹ lưỡng và vận động tích cực trên trường quốc tế.

CHƯƠNG 2

QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ, ĐẢM NHIỆM VAI TRÒ UVKTT HĐBA LHQ NHIỆM KỲ 2008-2009 CỦA VIỆT NAM

2.1. Quá trình chuẩn bị

2.1.1. Về nội dung

Với sự chuẩn bị kỹ càng, cẩn thận và sự đồng ý của Thủ tướng và Bộ Chính trị, Chương trình nghị sự hoạt động của HĐBA LHQ giai đoạn 2008-2009 đã gần như giống với những kiến nghị của, Bộ

Ngoại giao (đã được Thủ tướng và Bộ Chính trị đồng ý trước đó) gồm các vấn đề khu vực, các vấn đề pháp lý và nhiều vấn đề khác.

2.1.2. Về nhân sự, bộ máy, cơ chế phối hợp, triển khai liên ngành

Ngoài nước: Phái đoàn đại diện thường trực Việt Nam bên cạnh LHQ, New York, Hoa Kỳ là cơ quan đại diện Việt Nam phụ trách quan hệ giữa Việt Nam và Liên hợp quốc và Các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

Trong nước: Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì về HĐBA, thành lập các Nhóm như: Nhóm thường trực về HĐBA, Nhóm công tác liên vụ một đồng chí Lãnh đạo Bộ Ngoại giao làm Trưởng nhóm, Tổ công tác liên ngành với sự đồng ý của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ, do một đồng chí Lãnh đạo Bộ Ngoại giao làm Tổ trưởng.

2.2. Quá trình Việt Nam đảm nhận nhiệm vụ UVKTT HĐBA LHQ 2008-2009

2.2.1. Phân loại các vấn đề thảo luận tại HĐBA

Việt Nam đã phân loại trước các vấn đề thảo luận như các vấn đề chung (20 vấn đề), các vấn đề khu vực liên quan đến khoảng 30 nước và khu vực ở Châu Phi, Trung Đông, Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ la-tinh (Haiti).

2.2.2. Cơ chế ra quyết định

Việc phân cấp quyết định gồm 3 cấp như sau: i) Đại sứ, Trưởng phái đoàn tại New York; ii) Thủ tướng Chính phủ và Thường trực Ban Bí thư; và iii) Bộ Chính trị. Ngày 25 tháng 1 năm 2008, Bộ Chính trị đã ban hành văn bản đồng ý.

2.2.3. Quá trình tham gia HĐBA của Việt Nam giai đoạn 2008-2009

Trong năm 2008-2009, HĐBA tổ chức hơn 1500 cuộc họp các cấp (trung bình 2.5 cuộc/ngày); chiếm tỷ trọng cao nhất là các cuộc họp về tình hình Châu Phi và Trung Đông (hơn 230 cuộc, gần 60%).

Tham gia của Việt Nam đối với các vấn đề trên

Việt Nam đã có sự chuẩn bị tốt về việc xây dựng nội hàm, lập trường cụ thể đối với các vấn đề, nội dung hợp của HĐBA và kết hợp linh hoạt, sáng tạo áp dụng nguyên tắc “dĩ bất biến, dĩ vạn biến”. Cụ thể như sau: i) Tham gia giải quyết các cuộc xung đột khu vực theo hướng khuyến khích đối thoại, thương lượng hoà bình; i) Thúc đẩy tiến trình chính trị, xây dựng hoà bình và tái thiết kinh tế - xã hội ở các quốc gia sau xung đột.

2.2.4. Công tác điều hành tại HĐBA của Việt Nam giai đoạn 2008-2009

Đảm nhiệm cương vị Chủ tịch HĐBA LHQ tháng 7 năm 2008:

Trong tháng 7/2008, trên cương vị Chủ tịch HĐBA, Việt Nam đã điều hành tốt các hoạt động của HĐBA với nhiều chương trình nghị sự, nhạy cảm với lịch làm việc dày đặc. HĐBA tháng 7/2018 đã tổ chức 2 cuộc thảo luận mở, 40 cuộc họp ở cấp Đại sứ, thảo luận 22 đề mục trong chương trình nghị sự (trung bình hàng tháng là 14-18 đề mục), thông qua 6 Nghị quyết, 3 Tuyên bố chủ tịch và 5 Tuyên bố. Cũng trong tháng 7 năm 2018, Việt Nam đã khách quan trong việc xử lý tranh chấp đền Preah Vihear giữa Thái Lan và Campuchia.

Đảm nhiệm cương vị Chủ tịch HĐBA LHQ tháng 10 năm 2009

Tháng 10/2009, Việt Nam đã chủ trì nhiều hoạt động quan trọng của HĐBA gồm 1 cuộc họp cấp Bộ trưởng, 30 cuộc họp cấp Đại sứ và 40 cuộc họp cấp chuyên viên, thảo luận nhiều đề mục, thông qua nhiều văn kiện nhất (5 Nghị quyết, 3 Tuyên bố Chủ tịch và 6 Tuyên bố báo chí. Cũng trong tháng 10 năm 2009, HĐBA đã 5 lần họp khẩn, 6 lần sửa đổi chương trình nghị sự của tháng, số lượng cuộc họp cấp Đại sứ là 30 cuộc (dự kiến ban đầu là 16 cuộc). Đáng chú ý, lần đầu tiên Việt Nam soạn thảo, chủ trì thương lượng, thúc

đẩy HĐBA đồng thuận thông qua Nghị quyết 1889 (2009) về phụ nữ, hoà bình và an ninh.

2.2.5. Tham gia các cơ quan trong HĐBA

Tham gia vị trí Lãnh đạo các cơ quan HĐBA

Trong giai đoạn 2008-2009, Việt Nam là Chủ tịch Ủy ban 1132 về Sierra Leone, Phó Chủ tịch của các Ủy ban 1373 về chống khủng bố, Ủy ban 1533 về CHDC Công-gô, Ủy ban 1636 về Li-băng.

Tham gia các cơ quan khác của HĐBA

Bên cạnh việc đảm nhiệm vị trí Lãnh đạo các Ủy ban thuộc HĐBA như đã nêu ở trên, Việt Nam cũng tích cực tham gia vào công việc của các cơ quan HĐBA khác như Toà án hình sự quốc tế về Nam Tư cũ (ICTY), các Ủy ban trừng phạt như Ủy ban 1737 về Iran, Ủy ban 1718 về CHDCND Triều Tiên, Ủy ban 751 về Xô-ma-li, Ủy ban 1521 về Lieria... ,

2.2.6. Một số case-studies điển hình

**** Tranh chấp đền Preah Vehear giữa Campuchia và Thái Lan***

Campuchia và Thái Lan tranh chấp từ lâu đời về chủ quyền lãnh thổ đối với Preah Vihear – ngôi đền cổ được xây dựng từ Thế kỷ XI. Trên cương vị Chủ tịch HĐBA tháng 7 năm 2008 và thành viên trong ASEAN, Việt Nam đã thành công trong việc không đưa vấn đề này ra thảo luận tại HĐBA, tránh để các nước can thiệp vào công việc nội bộ của một nước trong ASEAN, tạo tiền lệ xấu sau này và quan trọng vẫn giữ được quan hệ tốt với các nước trong khu vực.

**** Vấn đề Gruzia***

Chiến tranh Nam Ossetia 2008 là cuộc chiến tranh giữa một bên là Gruzia và một bên là các khu vực ly khai, Nam Ossetia và Abkhazia, cùng với Liên bang Nga. Nó được xem là cuộc chiến tranh châu Âu đầu tiên trong thế kỷ 21. Việt Nam đã ứng xử khéo léo xử lý vấn đề này mà không làm mất lòng Nga.

** Vấn đề Đa-phua/Xu-đăng*

Việt Nam đã đánh giá Đa-phua là một trong sáu vấn đề trọng tâm tại HĐBA năm 2008. Đây là vấn đề được đánh giá là một trong những nội dung khiến HĐBA chia rẽ nhất giai đoạn 2008-2009. Việt Nam đã thành công giữ vững lập trường nguyên tắc (đó là mong muốn giai quyết hoà bình tranh chấp thông qua thương lượng, được các nước đánh giá là khéo léo, cố gắng tìm kiếm mẫu số chung, thu hẹp bất đồng giữa các bên, thông qua Nghị quyết gia hạn hoạt động của UNAMID tại Xu-đăng.

** Vấn đề Dim-ba-bu-ê:*

Vấn đề Dim-ba-bu-ê không nằm trong Chương trình nghị sự của HĐBA. Đầu năm 2008, phe đối lập cáo buộc chính quyền gian lận, phản đối kết quả bầu cử Tổng thống. Bạo lực bùng phát giữa lực lượng. Mỹ và các nước Phương Tây không công nhận kết quả bầu cử và yêu cầu HĐBA họp gấp để thảo luận và thông qua dự thảo Nghị quyết trừng phạt Dim-ba-bu-ê. Vấn đề Dim-ba-bu-ê được Việt Nam xác định lúc đó là không có lợi ích trực tiếp và không tác động đến quan hệ của Việt Nam với các nước lớn. Trên cơ sở diễn biến cuộc bỏ phiếu, Việt Nam đã bỏ phiếu chống theo phương án đã chuẩn bị nêu trên và phát biểu giải thích phiếu. Đây là lần đầu tiên sau hơn 20 năm và lần thứ năm trong lịch sử LHQ, một dự thảo nghị quyết của HĐBA nhận được 5 phiếu chống.

Tiểu kết

Có thể nói, việc đảm nhiệm thành công cương vị UVKTT HĐBA LHQ đã để lại dấu ấn tốt đẹp của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế, khẳng định vị thế mới của Việt Nam trên trường quốc tế cũng như thúc đẩy quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên HĐBA nói riêng và LHQ nói chung. Những thành tích đạt được đã tạo dựng thêm nền móng vững chắc để Việt Nam tiếp tục hội nhập

quốc tế sâu rộng hơn thông qua việc đảm nhận các vị trí quan trọng tại các cơ chế, tổ chức quốc tế và khu vực chủ chốt. Thành tích này chính là cơ sở trực tiếp nhất cho việc Việt Nam tiếp tục đăng ký ứng cử UVKTT HĐBA LHQ lần thứ hai. Tháng 1 năm 2010, Việt Nam đã chính thức nộp hồ sơ đăng ký ứng cử UVKTT HĐBA LHQ giai đoạn 2020-2021.

CHƯƠNG 3

THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thành tựu và Hạn chế

3.1.1. Thành tựu

Về chính trị- đối ngoại: Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu, phương châm và nhiệm vụ đề ra khi ứng cử. Đó là: Việt Nam đã hoàn thành tốt 2 lần giữ chức Chủ tịch HĐBA LHQ vào tháng 7/2008 và tháng 10/2009. Trong 2 năm 2008-2009, HĐBA đã có 1500 cuộc họp, nhiều cuộc thương lượng, tham vấn ở nhiều cấp, kể cả ở cấp cao, thông qua 101 Nghị quyết và 156 Tuyên bố thuộc 50 vấn đề của Chương trình nghị sự của HĐBA. *Về xây dựng lực lượng:* Việt Nam đã bước đầu xây dựng thành công đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao đa phương chuyên nghiệp, có kinh nghiệm và bản lĩnh tại diễn đàn LHQ cũng như tại các diễn đàn quốc tế quan trọng khác, qua đó tạo nền tảng cho việc đào tạo và bồi dưỡng các thế hệ cán bộ ngoại giao sau này. *Về tham gia các diễn đàn đa phương:* tham gia vào quá trình hoạch định và triển khai các quyết định của HĐBA về các vấn đề chính trị, an ninh của thế giới là điều kiện tốt để qua đó góp phần thực hiện mục tiêu đối ngoại được Đại hội Đảng lần thứ X đề ra; trong đó đặc biệt là giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho đất nước phát triển. *Công tác tuyên truyền:* với hơn 3.000 tin, bài trong hai năm 2008-2009, Việt Nam đã thành công

trong công tác tuyên truyền, truyền tải thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ và kịp thời về các chủ trương, hoạt động của Việt Nam tại HĐBA tới quốc tế và trong nước, giúp tạo đồng thuận cao trong xã hội về việc thực hiện các chủ trương quyết sách tại HĐBA, góp phần nâng cao đoàn kết và lòng tự tôn dân tộc.

3.1.2. Hạn chế

Do lần đầu tham gia và đảm nhiệm vị trí UVKTT HĐBA, Việt Nam mới chỉ tập trung chủ yếu vào các vấn đề ở khu vực châu Á, dù có quan tâm nhưng chưa thực sự chủ động, tích cực tham gia và đóng góp sâu vào các vấn đề phức tạp được quốc tế. Số lượng cán bộ tham gia ở New York còn mỏng, mới là lần đầu làm về lĩnh vực này. Việt Nam có thể đầu tư hơn nữa để có thêm nhiều cán bộ trực tiếp tham gia các hoạt động của HĐBA trong năm 2008-2009. Việc giữ thông tin liên lạc 24/24 khi HĐBA LHQ họp trong giai đoạn 2008-2009 cũng là một hạn chế. Công tác tuyên truyền mới được thực hiện ở mức vừa phải, khiêm tốn, đôi khi hơi quá thận trọng.

3.2. Bài học kinh nghiệm

3.2.1. Tầm nhìn đối ngoại là xuyên suốt, đi trước thời đại và có tính kế thừa

Việc Việt Nam đăng ký ứng cử UVKTT HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2020-2021 ngay sau khi kết thúc việc đảm nhiệm vị trí E10 năm 2008-2009 cho thấy tầm nhìn về đối ngoại của Việt Nam là xuyên suốt, có tính kế thừa. Tầm nhìn này luôn được cập nhật phù hợp với thực tế và dòng thời gian. Thực tế là văn kiện đại hội Đảng lần thứ X, XI và XII cũng đã thể cụ thể hoá tầm nhìn đối ngoại về đối ngoại đa phương (như đã phân tích tại Chương 1 của Luận án).

3.2.2. Việc chuẩn bị trước nội dung và lực lượng có ý nghĩa then chốt

Chủ động xác định mục tiêu và xây dựng sớm kế hoạch chuẩn bị cho tháng tiếp nhận vị trí Chủ tịch HĐBA LHQ. Việc xây dựng chương trình làm việc, tổ chức điều phối hoạt động của HĐBA là

một công việc phức tạp, do vậy nên tham vấn, đồng thời tranh thủ xây dựng quan hệ chặt chẽ với Ban Thư ký và các nước liên quan về kinh nghiệm. Việc lựa chọn chủ đề thích hợp, phù hợp, thảo luận hoặc chủ trì trong tháng làm Chủ tịch HĐBA cũng rất quan trọng, tạo sự đồng thuận trong HĐBA và thể hiện vai trò và ưu tiên của Việt Nam trong suốt quá trình tham gia và làm Chủ tịch HĐBA.

3.2.3 Tổ chức thực hiện tác chiến bài bản phù hợp với thực tế là chìa khoá thành công

Có kế hoạch dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và xây dựng đội Việc xây dựng chương trình làm việc, tổ chức điều phối hoạt động của HĐBA là một công việc phức tạp, do vậy nên tham vấn, đồng thời tranh thủ xây dựng quan hệ chặt chẽ với Ban Thư ký và các nước liên quan về kinh nghiệm là rất quan trọng. Việc lựa chọn chủ đề thích hợp, phù hợp, thảo luận hoặc chủ trì trong tháng làm Chủ tịch HĐBA cũng rất cần thiết,

Đội ngũ cán bộ ngoại giao đa phương chuyên nghiệp, trưởng thành về bản lĩnh chính trị...;kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo cơ bản (qua trường lớp, các khoá học...) và đào tạo tại chỗ qua công việc thực tế. Quan hệ với truyền thông và học giả là điểm cần rút kinh nghiệm trong nhiệm kỳ 2008-2009

3.3. Những vấn đề đặt ra

3.3.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Việc nghiên cứu tình hình quốc tế, khu vực, quan hệ giữa các nước lớn và tình hình trong nước luôn có vai trò quan trọng trong hoạch định chính sách đối ngoại của bất kì quốc gia nào. Đối với Việt Nam, đánh giá tình hình quốc tế và trong nước sẽ giúp Việt Nam có những chuẩn bị tốt hơn khi tham gia đảm nhiệm lần hai vị trí E10 của HĐBA LHQ giai đoạn 2020-2021.

3.3.2 Tình hình tại HĐBA LHQ hiện nay

Khối lượng công việc của HĐBA LHQ ngày càng tăng đáng

kể. Nếu như năm 2009, số lượng cuộc họp của HĐBA là dưới 200 cuộc thì năm 2017 đã lên đến 350 cuộc, số văn kiện của HĐBA LHQ (gồm Nghị quyết, Tuyên bố Chủ tịch, Tuyên bố báo chí) cũng tăng từ 150 năm 2011 lên hơn 200 năm 2017. Các nước P5 tiếp tục vừa hợp tác vừa đấu tranh song đấu tranh có phần nổi trội và gay gắt hơn. Sự chia rẽ giữa các nước P5, đặc biệt giữa Nga và Mỹ, Anh ngày càng lớn, cản trở mạnh hoạt động của HĐBA LHQ.

3.3.3 Những vấn đề đặt ra

Cơ hội: Việc tham gia đảm nhiệm vị trí UVKTT HĐBA LHQ giai đoạn 2020-2021 (trường hợp trúng cử) là cơ hội để Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại đa phương của Việt Nam, cụ thể được nêu trong đường lối đối ngoại Đại hội XII về việc “chủ động tham gia, định hình các diễn đàn đa phương, đặc biệt là Liên hợp quốc và ASEAN” trong bối cảnh tình hình quốc tế, trong nước nói chung và tình hình HĐBA nói riêng thời gian gần đây.

Thách thức: Nếu trúng cử, làm thế nào để làm tốt hơn nhiệm kỳ UVKTT HĐBA giai đoạn 2008-2009 sẽ là một áp lực và thách thức cho Bộ Ngoại giao Việt Nam nói chung và Phái đoàn Việt Nam tại Liên hợp quốc tại New York nói riêng. Việc làm quen với “cơ chế” chấp bút (penholder)/trực tiếp dự thảo các văn kiện của HĐBA LHQ trên một số vấn đề cụ thể vì cơ chế này chưa có trong giai đoạn 2008-2009 mà Việt Nam tham gia với tư cách UVKTT HĐBA.

3.3.4 Áp dụng các bài học kinh nghiệm của giai đoạn 2008-2009

Bài học về tầm nhìn lãnh đạo tiếp tục được tiếp thu vận dụng cho việc ứng cử vị trí UVKTT HĐBA LHQ giai đoạn 2020-2021. Việc áp dụng các học kinh nghiệm rút ra từ nhiệm kỳ 2008-2009 trong quá trình ứng cử và đảm nhiệm vị trí UVKTT HLHQ nhiệm kỳ 2020-2021 (nếu trúng cử) là rất quan trọng và phải triển khai linh hoạt, sáng tạo, bám sát tình hình thực tế.

Tiểu kết

Tóm lại, với tầm nhìn chiến lược khi đăng ký tham gia vị trí UVKTT HĐBA và với sự chuẩn bị cẩn thận, nghiêm túc và kỹ càng, Việt Nam đã hoàn thành tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đạt được nhiều ý nghĩa, đánh dấu một ngưỡng mới trong tiến trình hội nhập quốc tế, một thành tựu quan trọng, nếu không muốn nói là mang tính bước ngoặt, của chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá và ngoại giao đa phương của Việt Nam. Kinh nghiệm về việc tham gia, đảm nhiệm vị trí UVKTT HĐBA LHQ giai đoạn 2008-2009 đã trở thành cơ sở quan trọng để Việt Nam quyết định ứng cử vào vị trí UVKTT HĐBA LHQ giai đoạn 2020-2021” và triển khai Kế hoạch vận động vận động ứng cử cũng như đảm nhiệm thắng lợi vị trí E10 lần tiếp theo.

KẾT LUẬN

Về mặt lý luận, việc Việt Nam đảm nhiệm thành công nhiệm kỳ UVKTT HĐBA LHQ 2008-2009 và tiếp tục ứng cử nhiệm kỳ 2020-2021 có thể được xem là minh chứng cho tính đúng đắn của cách tiếp cận coi đa phương là công cụ hữu hiệu để các nước vừa và nhỏ theo đuổi và bảo vệ lợi ích quốc gia. Theo đó, việc tham gia vào các thể chế đa phương là một trong những lựa chọn chính sách đối ngoại hàng đầu nhằm tranh thủ nguồn lực bên ngoài, xây dựng các tập hợp lực lượng bảo vệ lợi ích chung, là công cụ để các nước vừa và nhỏ cân bằng, ràng buộc các nước lớn và hóa giải các sức ép trong quan hệ với các nước lớn hơn, nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia. Điều này cũng phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại Đại hội XII, đó là “nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương, chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương... Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh” và “Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác”./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Việt Lâm (2017), “*Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về Đối ngoại đa phương*”, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Số 6 (115)-2017.
2. Nguyễn Việt Lâm (2017), “*Việt Nam trong nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an LHQ 2008-2009: Kết quả và bài học kinh nghiệm*”, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, Số 1 (106), Tháng 3/2017.
3. Nguyễn Việt Lâm, Đặng Cẩm Tú (đồng tác giả) (2017), “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đa phương vào thực tiễn Việt Nam*”, Tạp chí Cộng sản, số 899, tháng 9/2017.
4. Nguyễn Việt Lâm, Đặng Cẩm Tú (đồng tác giả) (2017), “*Quá trình phát triển đối ngoại đa phương Việt Nam: giai đoạn 1975-1986*”, Tạp chí nghiên cứu quốc tế, Số 3 (110), tháng 9/2017.
5. Nguyễn Việt Lâm, (2018), “*Recommendations for Viet Nam if elected as Non-permanent membership of the United Nations Security Council in the term 2020 – 2021*”, Diễn giả, tham luận tại Hội thảo quốc tế “Viet Nam’s preparations for non-permanent membership of the United Nations Security Council in the 2020-2021 term”, do Học Viện Ngoại giao và Quỹ KAS của Đức tổ chức ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại Hà Nội.